

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Phạm Minh Đạt, Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Minh Tuấn** - Phân tích năng lực kinh doanh thương mại của đơn vị sản xuất - kinh doanh nông phẩm trên địa bàn tỉnh Điện Biên. *Mã số: 132.1SMET.11* 2
Analyzing Business Capacity of Agricultural Production and Trading Units in Dien Bien Province
- 2. Nguyễn Hoàng Việt, Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt và Lê Trâm Anh** - Thu hút và sử dụng đầu tư nước ngoài tại Việt Nam: thực trạng và một số khuyến nghị. *Mã số: 132.1TrEM.11* 14
Attracting and Using Foreign Investments in Vietnam: Reality and Proposals
- 3. Nguyễn Phúc Hiền, Hoàng Thanh Hà** – Tác động của kiều hối đến tăng trưởng GDP của Việt Nam. *Mã số: 132.1HIEM.11* 24
Impacts of Remittance on Vietnam's GDP Growth

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 4. Lê Xuân Thái và Trương Đông Lộc** – Ảnh hưởng của mức độ minh bạch và công bố thông tin đến hiệu quả tài chính của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. *Mã số: 132.2Fiba.21* 30
Impacts of Information Transparency and Publication on Financial Efficiency of Listed Companies in Vietnam Stock Market
- 5. Đặng Thị Thu Trang và Trương Thị Hiếu Hạnh** – Ảnh hưởng của tích hợp kênh lên ý định mua lặp lại của người tiêu dùng trong bán lẻ chéo kênh: trường hợp nghiên cứu cho ngành hàng thời trang tại Đà Nẵng. *Mã số: 132.2BMkt.21* 41
Impact of Channel Integration on Repeated Buying Intention of Consumer in Cross-Channel Retailing: Case Study of Fashion in Danang City

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 6. Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quang Hà và Mai Lan Phương** – Nghiên cứu hiện trạng phân bổ đất nông nghiệp tại tỉnh Bắc Giang. *Mã số: 132.3OMIs.32* 51
Study on Situation of Agricultural Land Allotment in Bắc Giang Province
- 7. Phan Hồng Mai, Nguyễn Thị Ngọc Dung và Nguyễn Quỳnh Mai** – Bất cân xứng thông tin trong đào tạo đại học tại Việt Nam. *Mã số: 132.3OMIs.31* 61
Information Asymmetry in Tertiary Education in Vietnam

TÁC ĐỘNG CỦA KIỀU HỒI ĐẾN TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Phúc Hiền

Trường Đại học Ngoại thương
hiennguyenphuc@ftu.edu.vn

Hoàng Thanh Hà

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
htha@neu.edu.vn

Ngày nhận: 18/07/2019

Ngày nhận lại: 08/08/2019

Ngày duyệt đăng: 13/08/2019

Kiều hối đã và đang là nguồn tài chính quan trọng cho các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Những năm gần đây, Việt Nam liên tục nằm trong top những quốc gia nhận kiều hối lớn trong khu vực và thế giới (World Bank 2017). Đã có nhiều nghiên cứu về tác động vĩ mô của kiều hối bao gồm cả những tác động tích cực và tiêu cực. Vì vậy mục đích của nghiên cứu này là xem xét kiều hối tác động như thế nào đến tăng trưởng GDP của Việt Nam trong gần 3 thập kỷ qua. Bằng việc sử dụng mô hình hồi quy OLS với số liệu chuỗi thời gian từ năm 1991 đến năm 2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy tác động tiêu cực của kiều hối tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong dài hạn. Nghĩa là khi tỷ lệ kiều hối càng tăng thì làm giảm tăng trưởng GDP của Việt Nam và ngược lại. Kết quả nghiên cứu này khác với lý thuyết và thực nghiệm nghiên cứu của một số nghiên cứu các nước khác. Điều này có thể được giải thích bằng hiện tượng “Căn bệnh Hà Lan”.

Từ khóa: kiều hối, tăng trưởng kinh tế, căn bệnh Hà Lan.

1. Giới thiệu nghiên cứu

Kiều hối là khoản tiền mà người di cư, lao động gửi về trong nước, được hạch toán qua bảng cân cán thanh toán, bao gồm thu nhập của người cư trú và không cư trú (IMF, 2009; WB, 2017). Dòng kiều hối chảy về Việt Nam ngày càng tăng, trở thành nguồn tài chính quan trọng, vượt qua cả dòng vốn viện trợ phát triển (ODA) và chỉ đứng sau dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) xuất phát từ sự di cư và dịch chuyển lao động (Đồ thị 1). Trong giai đoạn 1991-2017, kiều hối chiếm khoảng 6% GDP, trong khi vốn FDI và ODA vào Việt Nam lần lượt là 7.7% và 3% GDP (WB, 2017).

Sau ba thập kỷ thực hiện chính sách đổi mới mở cửa, nền kinh tế Việt Nam đã duy trì được sự tăng trưởng kinh tế cao bình quân giai đoạn 1990 - 2017 là 6.81% (World Bank, 2017). Nhờ vậy mà tổng GDP của Việt Nam đã tăng từ mức 6.47 tỷ USD (1990) lên 205.3 tỷ USD (2017) (Đồ thị 2). Cùng với quá trình đổi mới cải cách kinh tế là những thay

đổi căn bản trong chính sách về kiều hối, Việt Nam đã tiếp nhận một lượng lớn kiều hối từ kiều bào, người lao động Việt Nam ở nước ngoài. Trong thời gian qua, lượng kiều hối chuyển về Việt Nam tăng nhanh, từ 0.35 tỷ USD (1991) tăng lên 3,8 tỷ USD (2005). Đến năm 2008, mặc dù khủng hoảng kinh tế toàn cầu xảy ra, nhưng lượng kiều hối không những không bị suy giảm mà còn tăng vọt lên ở mức 7,2 tỷ USD và đạt 13,8 tỷ USD (2017), gấp gần 40 lần năm 1991 (IMF, 2015; WB, 2017). Việt Nam được Ngân hàng Thế giới xếp vào vị trí 16/20 nước tiếp nhận nguồn kiều hối lớn nhất thế giới, đứng thứ ba khu vực Đông Á - Thái Bình Dương, chỉ sau Trung Quốc và Philippines (WB, 2017).

Không thể phủ nhận việc tăng trưởng GDP, nâng cao mức sống của người dân và xóa đói giảm nghèo có sự đóng góp của kiều hối thông qua tiết kiệm, tiêu dùng, đầu tư và bù đắp thâm hụt cán cân vãng lai. Tuy nhiên, kiều hối cũng gây ra không ít tác động tiêu cực như áp lực tăng tỷ giá, hiện tượng đô

la hóa và rửa tiền. Bên cạnh đó, việc thu nhập của người dân tăng lên nhờ kiều hối cũng khiến họ cắt giảm giờ làm việc cùng với lượng lao động di chuyển ra nước ngoài làm cung lao động giảm, từ đó đẩy chi phí nhân công trong nước cao hơn, khiến giá hàng nội địa tăng và trở nên đắt hơn so với hàng ngoại nhập khẩu. Điều này dẫn đến nhu cầu nhập khẩu tăng và giảm xuất khẩu, tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

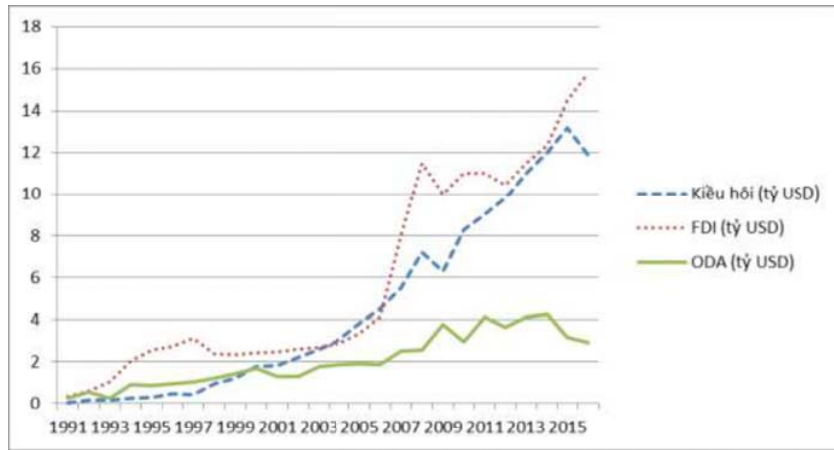
Câu hỏi được đặt ra liệu kiều hối có tác động tăng trưởng GDP của Việt Nam trong dài hạn hay không và nếu có thì tác động như thế nào? Hiểu rõ hướng và mức độ tác động của kiều hối tới tăng trưởng GDP sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách có giải pháp hợp lý với kiều hối. Vì vậy bài nghiên cứu này sẽ xem xét tác động của kiều hối tới tăng trưởng GDP Việt Nam trong giai đoạn 1991-2017.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

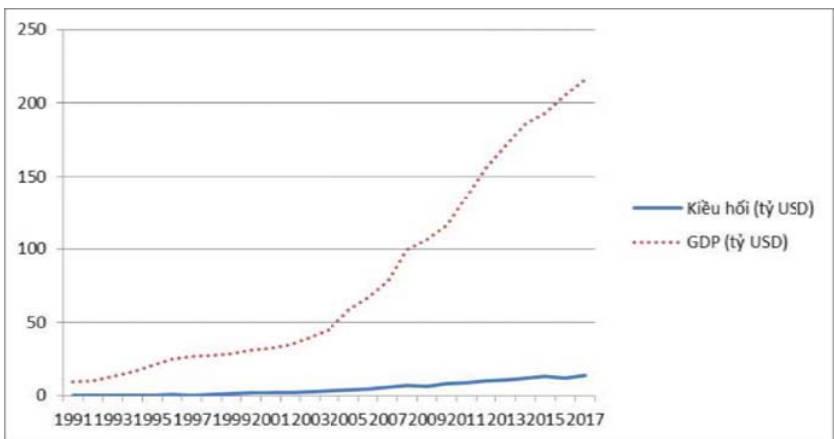
Nghiên cứu về tác động của kiều hối tới tăng trưởng kinh tế từ lâu đã được các nhà kinh tế, nhà nghiên cứu cả trong và ngoài nước quan tâm nhưng vẫn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau, cho thấy kiều hối có thể có tác động tích cực, tiêu cực hoặc không có tác động đến tăng trưởng kinh tế ở các nước và khu vực khác nhau.

Kiều hối thúc đẩy tăng trưởng GDP thông qua tác động tích lũy vốn (Barajas, A, 2009) Cách rõ nhất có thể thấy là bằng việc làm tăng trực tiếp nguồn vốn, đặc biệt trong trường hợp nước nhận kiều hối phụ thuộc chủ yếu vào các nguồn vốn nội địa để đầu tư. Tuy nhiên, tác động của kiều hối đến

đầu tư nội địa không chỉ đơn giản là tăng thêm nguồn vốn cho đầu tư. Trong nhiều trường hợp, việc tiếp cận được với kiều hối giúp cải thiện uy tín, tín dụng của các nhà đầu tư nội địa, thì kiều hối còn có thể làm giảm chi phí vốn của nền kinh tế. Đồng thời, kiều hối cũng có thể thúc đẩy sự tăng trưởng tín dụng trong nền kinh tế, do những luồng kiều hối về trong tương lai có thể được dùng để trả cho những khoản nợ hiện tại (Barajas, A, 2009). Catrinescu (2006) sử dụng dữ liệu về 162 nước trong khoảng thời gian 34 năm (1970-2003) chỉ ra kiều hối có thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong dài



Đồ thị 1: Kiều hối và Các nguồn vốn khác vào Việt Nam 1991-2017



Nguồn: (World Bank, 2017)

Đồ thị 2: Kiều hối và Tổng GDP của Việt Nam giai đoạn 1991-2017

hạn thông qua đóng góp vào nguồn vốn và sự phát triển của trung gian tài chính Nghiên cứu của Ratha

(2003) cũng chỉ ra rằng kiều hối là một nguồn vốn tài chính quan trọng đối với các nước đang phát triển. Nó kích thích sự tăng trưởng và phát triển kinh tế (Ang, 2007). Adela Shera và Dietmar Meyer (2013) nghiên cứu với trường hợp nền kinh tế Albania và khẳng định tác động tích cực của kiều hối tới tăng trưởng GDP bình quân đầu người.

Tuy nhiên kiều hối tác động tiêu cực đến tăng trưởng GDP trong dài hạn thông qua việc giảm lượng cung lao động, tăng tỷ giá thực đồng nội tệ và giảm năng lực cạnh tranh hàng hóa xuất khẩu từ đó làm giảm tăng trưởng kinh tế trong dài hạn hay được gọi là tác động của “căn bệnh Hà Lan” (Hadeel S. Yaseen, 2012; Nguyễn, 2017). Thông qua tỷ lệ tham gia lực lượng lao động, kiều hối có thể có tác động tiêu cực đến lực lượng lao động do lượng kiều hối lớn có thể làm giảm nỗ lực lao động của người nhận, người nhận có thể không cần lao động mà sống nhờ vào kiều hối, từ đó tỷ lệ tham gia lực lượng lao động và nguồn cung lao động của nền kinh tế sẽ bị giảm. Đồng thời với một lượng lớn kiều hối sẽ có một lượng xuất khẩu lao động ra nước ngoài làm giảm lượng cung lao động trong nước (Barajas, A, 2009). Nghiên cứu của Nguyễn (2017) chỉ ra rằng một lượng kiều hối lớn liên tục chảy về Việt Nam làm xuất hiện dấu hiệu của “căn bệnh Hà Lan”, suy giảm năng lực cạnh tranh quốc tế thông qua việc tăng tỷ giá thực. Qua đó tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Pradhan (2008) cũng cho rằng kiều hối có tác động rất ít đến tăng trưởng kinh tế vĩ mô trong dài hạn, vì một lượng lớn kiều hối không được đầu tư một cách có hiệu quả. Giuliano và Ruiz-Arranz (2005) sử dụng phương pháp mô-men tổng quát (GMM) phân tích dữ liệu về hơn 100 nước trong khoảng thời gian từ năm 1975 - 2002 chỉ ra không có tác động của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế, nhưng ủng hộ quan điểm rằng kiều hối giúp làm giảm các khó khăn tài chính, do đó có tác động tích cực đến kinh tế chỉ ở các nước có khu vực tài chính kém phát triển. Chami, R. (2008) sau khi nghiên cứu dữ liệu của 84 nước trong khoảng thời gian 1974 - 2004 lại không thể tìm thấy tác động tích cực của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế.

Nhìn chung, các nghiên cứu về kiều hối và tăng trưởng kinh tế vẫn còn đưa ra các kết luận không đồng nhất, thậm chí là trái chiều. Điều này có thể được lý giải bởi tình trạng các nghiên cứu khác nhau sử dụng các cách đo kiều hối khác nhau, cách lựa

chọn mô hình phân tích tác động của kiều hối khác nhau và mẫu nghiên cứu khác nhau (Barajas, 2009).

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình và biến

Trên cơ sở lý thuyết mô hình tăng trưởng kinh tế của Solow trên nền tảng hàm sản xuất Cobb-Douglas và các nghiên cứu của Ang (2007), Chami (2008), Adela Shera, Dietmar Meyer (2013) về tác động của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế, tác giả tiến hành nghiên cứu thực nghiệm tác động của kiều hối đến tăng trưởng GDP của Việt Nam với mô hình gồm các biến giải thích là kiều hối (remitt), tổng vốn cố định (gfcf), tiết kiệm (saving), tỷ lệ lạm phát (infla) và dân số (popul). Biến được giải thích là tổng sản phẩm quốc nội GDP, đại diện cho sự tăng trưởng GDP.

Phương trình nghiên cứu tổng quát:

$$gdp = f(\text{remitt}, \text{gfcf}, \text{saving}, \text{infla}, \text{popul}).$$

Mô hình hồi quy:

$$gdp = \beta_0 + \beta_1 * \text{remitt} + \beta_2 * \text{gfcf} + \beta_3 * \text{savin} + \beta_4 * \text{infla} + \beta_5 * \text{popul} + \text{ui}$$

Kiều hối (remitt) được xem như nguồn lực tài chính quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, đặc biệt các nước đang phát triển (Chami, 2008). Biến này được xác định bởi tỷ lệ kiều hối đổ vào Việt Nam từ nhiều nước trên thế giới trên tổng GDP theo từng năm.

Vốn cố định (Gfcf) đo lường mức đầu tư vào hạ tầng, từ đó xác định tiềm năng tăng trưởng tương lai của một nền kinh tế, là biến đại diện đầu tư trong nước (Adela Shera, Dietmar Meyer, 2013).

Tiết kiệm (Saving) là tỷ lệ số tiền còn lại sau khi chi tiêu chia cho GDP theo từng năm thể hiện khả năng vốn đầu tư trong nước của một quốc gia, là yếu tố quan trọng cho tăng trưởng kinh tế.

Lạm phát (Infl) là tốc độ tăng mặt bằng giá của nền kinh tế, cho thấy mức độ lạm phát của nền kinh tế. Thông thường, người ta tính tỷ lệ lạm phát dựa vào chỉ số giá tiêu dùng hoặc chỉ số giảm phát. Giảm phát sẽ không kích thích được tăng trưởng kinh tế, cũng như lạm phát cao cũng kìm hãm sự tăng trưởng kinh tế.

Dân số (Popul) là biến đại diện cho nguồn vốn nhân lực của quốc gia. Đối với một nền kinh tế, lao động là một trong những nguồn lực quan trọng nhất, là đầu vào không thể thiếu đối với mọi ngành sản xuất kinh doanh. Vì vậy, đây là một nhân tố tạo nên tăng trưởng kinh tế và thu nhập quốc dân.

Bảng 1: Tổng hợp các biến của mô hình

Tên biến	Hướng tác động	Đơn vị
Kiều hối (Remitt)	Tích cực(+)/tiêu cực (-)	%
Tổng vốn cố định (Gfcf)	Tích cực (+)	%
Tiết kiệm (Saving)	Tích cực (+)	%
Tỷ lệ lạm phát (Infl)	Tiêu cực (-)	%
Dân số (Popul)	Tích cực (+)	Triệu người

3.2. Dữ liệu

Mục tiêu của bài nghiên cứu là tìm ra tác động của kiều hối tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong dài hạn. Trước năm 1991, số liệu lượng kiều hối về Việt Nam không được ghi nhận một cách rõ ràng. Bởi vậy số liệu của bài nghiên cứu được lấy từ năm 1991 đến năm 2017. Số liệu trên được lấy từ Ngân hàng thế giới là số liệu chính thức hạch toán qua cán cân thanh toán của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), số liệu trên không bao gồm kiều hối để đầu tư. Một số chỉ tiêu, số liệu của năm 2017 chưa được công bố chính thức, bởi vậy trong bài nghiên cứu, những số liệu đó là những số liệu ước tính.

Tất cả các số liệu về lượng kiều hối, vốn cố định, lạm phát, tiết kiệm, dân số được lấy từ nguồn số liệu của Ngân hàng Thế giới.

4. Kết quả ước lượng mô hình

Nghiên cứu thực hiện hồi quy bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) trên phần mềm STATA, kết quả hồi quy chỉ ra hệ số xác định $R\text{-square} = 0.9904$ rất cao, thể hiện các biến kiều hối, vốn cố định, tiết kiệm, dân số và làm pháp giải thích được 99,04%

Bảng 2: Kết quả hồi quy bình phương nhỏ nhất (OLS) của mô hình

Variables	Coef.	Std. Err	t
Remit	-11.01298***	1.783359	-6.18
Gfcf	-1.990008**	.7711845	-2.58
Savi	-.7598429	.6741332	-1.13
Infl	.1438205	.1794397	0.80
Popu	10.91553***	.7274726	15.00
Cons	-678.6819	59.35283	-11.43

Observation numbers: 27; R-squared: 0.9904; Dependent variable: GDP

biến phụ thuộc GDP. Ba biến kiều hối (remit), vốn cố định (Gfcf) và dân số (Popul) có ý nghĩa thống kê với các mức tương ứng lần lượt là 1%, 5% và 1%. Trong khi các biến còn lại không có ý nghĩa (Bảng 2).

Điều bất ngờ là kiều hối có tác động tiêu cực với tăng trưởng GDP. Kết quả này phù hợp với nghiên

cứ trước đây của Chami et al, 2003, Ahlburg, 1991 and 1997. Bảng kết quả 2 chỉ ra rằng cứ tăng 1% kiều hối thì dẫn đến giảm - 11.01298 tỷ USD GDP với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Điều này có thể giải thích bằng hiện tượng “*Căn bệnh Hà Lan*”. Kết quả nghiên cứu này trùng với nghiên cứu của Nguyễn 2017 cũng chỉ ra việc kiều hối đổ nhiều làm đồng nội tệ lên giá thực qua đó làm giảm năng lực cạnh tranh xuất khẩu và làm giảm tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

Biến dân số có ý nghĩa thống kê với mức 1% và có tác động dương tới GDP. Kết quả phù hợp với lý thuyết và cho thấy dân số Việt Nam đang ở mức dân số vàng. Kết quả chỉ cho thấy cứ tăng 1 triệu dân số thì dẫn đến tăng 10.91553 tỷ USD với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Nếu tiếp tục duy trì được mức tăng dân số như hiện tại sẽ góp phần làm tăng trưởng kinh tế và tăng GDP.

Trong khi hai biến kiều hối và dân số có mức ý nghĩa thống kê 1% thì biến Tỷ lệ tổng vốn cố định trên GDP có ý nghĩa thống kê mức 5% và hệ số hồi quy mang dấu âm. Điều đó có nghĩa là tổng vốn cố định càng lớn thì tăng trưởng GDP càng giảm. Cụ thể theo kết quả cứ tăng 1% chi phí cố định thì tổng GDP giảm -1.990008 tỷ USD với điều kiện các yếu tố khác không đổi.

Kiểm định giả thiết của mô hình

Khi phân tích bất kỳ một bảng số liệu kinh tế lượng nào, chúng ta đều phải phân tích mối quan hệ giữa các biến, để xác định hệ số tương quan giữa

chúng và quan trọng hơn, là để xem xét xem các biến trong mô hình có xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến hay không. Ta sử dụng nhân tử phóng đại của phương sai VIF. Kết quả chỉ ra không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến. Đồng thời kết quả kiểm định White chỉ ra mô hình không có hiện tượng phương sai sai số thay đổi. Chi tiết kết quả kiểm định giả thiết được trình bày trong phần phụ lục.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy tác động tiêu cực của kiều hối đến tăng trưởng GDP trong dài hạn. Điều này phù hợp với lập luận về mặt lý thuyết của một số nghiên cứu trước đây cho rằng kiều hối có cả tác động tích cực lẫn tiêu cực đến nền kinh tế. Nếu dòng kiều hối chuyển về Việt Nam ở mức độ vừa đủ sẽ kích thích nền kinh tế tăng trưởng thông qua gia tăng đầu tư vốn vật chất, phát triển hệ thống tài chính, giảm gánh nặng ngân sách và gia tăng tiêu dùng. Tuy nhiên, trong dài hạn, khi dòng kiều hối đổ vào Việt Nam quá nhiều làm lên giá thực đồng nội tệ, giảm năng lực cạnh tranh của hàng Việt Nam trên thị trường quốc tế, xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng, từ đó tác động xấu tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong dài hạn. Kết quả này thể hiện nền kinh tế Việt Nam đang có khả năng đối mặt với hiện tượng “căn bệnh Hà Lan”.

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy kiều hối không phải là nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Vì vậy Chính phủ Việt Nam cần cân nhắc: (1) chính sách khuyến khích đưa người đi xuất khẩu lao động. Việc xuất khẩu lao động có thể dẫn đến sự thiếu hụt trong lượng cung lao động thị trường trong nước làm gia tăng giá nhân công tăng chi phí sản xuất, giảm sức hút nhà đầu tư, tăng giá hàng hóa sản xuất trong nước và giảm năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu; (2) thực hiện chính sách tiền tệ và tỷ giá hiệu quả hơn bằng việc can thiệp trên thị trường ngoại hối nhằm giảm sự lên giá thực của Việt Nam đồng; (3) Chính phủ cần nhắc chính sách hạn chế dân số hiện nay. Kết quả nghiên cứu chỉ ra dân số đại diện cho yếu tố lao động vẫn đang là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng GDP của Việt Nam thời gian qua.

Tuy nhiên, nghiên cứu này còn một số hạn chế cần được tiếp tục nghiên cứu bổ sung hoàn thiện: Thứ nhất, giữa kiều hối và tăng trưởng kinh tế có thể có vấn đề nội sinh khiến cho các kết quả ước lượng

bằng phương pháp OLS sử dụng trong nghiên cứu này có thể kém chính xác, đòi hỏi cần tìm các phương pháp ước lượng khác phức tạp hơn. Thứ hai, trong khoảng thời gian nghiên cứu từ 1991 - 2017, có 2 cuộc khủng hoảng kinh tế gây ra ảnh hưởng đột biến với các biến số được sử dụng trong nghiên cứu tuy nhiên nghiên cứu chưa xem xét đến ảnh hưởng của sự kiện này đến kết quả nghiên cứu. Thứ ba, dữ liệu chuỗi thời gian theo năm với quan sát 27 vẫn còn ít. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Abu Siddique, Selvanathan (2012), *Remittance and Economic Growth: Empirical Evidence from Bangladesh, India and Serilanka*, Journal of Development Studies, Vol 48, Issue 8.
2. Adela Shera, Dietmar Meyer (2013), *Remittances and their impact on Economic Growth*, Social Management Sciences, Doi 103311/PPso.2152
3. Ahlburg DA (1991), *Remittances and Their Impact: A Study of Tonga and Western Samoa*, Research Report, National Centre for Development Studies, Canberra
4. Ahlburg DA, Brown RPC (1997), *Are Migrant's Remittances Sensitive to Changes in Their Income?* Discussion Paper 217, Department of Economics, University of Queensland, Brisbane
5. Ang A.P (2007), *Worker's Remittance and Economic Growth in The Philippines*, Working Paper, Social Research Center, University of Santo Tomas.
6. Barajas, A., Chami, R., Fullenkamp, C., Gapen, M. và Montiel, P. (2009). “Do workers' remittances promote economic growth?” IMF Working Paper. Middle Eastern and Central Asia Department. WP/09/153
7. Bichaka Fayissa, Christian Nsaiah (2008), *The Impact of Remittances on Economic Growth and Development in Africa*, Working Paper Series, Department of Economics and Finance, Middle Tennessee State University.
8. Catrinescu, N., Leon-Ledesma. M., Piracha, M. và Quillin, B. (2006). “Remittances, institutions and economic growth”, IZA Discussion Paper, No. 2139.

9. Chami, R. et al. (2008), *Macroeconomic consequences of Remittances*, ISBN 978-1-58906-701-1. IMF, Washington, DC.

10. Đỗ Thị Kim Hào (2013), *Đánh giá một số tác động của kiều hối đối với nền kinh tế Việt Nam*

11. Giuliano, P. và Ruiz-Arranz, M. (2005). "Remittances, financial development and growth", IMF Working Paper, 05/234

12. Hadeel S, Yaseen (2012), *The Positive and Negative Impact of Remittances on Economic Growth in MENA Countries*, The Journal of International Management Studies, Vol 7, No 01.

13. Khalid Koser (2007), *International Migration: A Very Short Introduction*, Oxford University Press.

14. Lê Đạt Chí và Ths. Phan Thị Thanh Thúy (2014), *Tác động của kiều hối đến tăng trưởng kinh tế của ở các nước đang phát triển*, Tạp chí Phát triển và Hội nhập, Số 16.

15. Mansoor A., Quillin Br. (2009), *Migration and Remittances, Eastern Europe and the Former Soviet Union*. World Bank Report.

Summary

Remittance has been an important financial source of developing countries including Vietnam. In recent years, Vietnam has been among the top countries receiving large remittances in the region and the world (World Bank 2017). There are a number of studies on the positive and negative macro influence of remittance. In that context, this paper aims to consider the influence of remittance on Vietnam's GDP growth in the past 3 decades. By apply-

ing OLS regressive model on the chain data from 1991 to 2017, the study shows the negative impacts of remittance on Vietnam's economic growth in the long run. This means the higher remittance rates, the lower Vietnam's GDP growth rates, and vice versa. The research results are different from the theories and practice of other studies. This could be explained by "Dutch disease" phenomenon.

PHỤ LỤC

Kiểm định đa cộng tuyến

`. vif`

Variable	VIF	1/VIF
remittance~p	10.18	0.098261
savinggdp	7.47	0.133812
population	6.41	0.156095
gfcfgdp	3.20	0.312714
inflation	2.38	0.419820
Mean VIF	5.93	

Kiểm định phương sai sai số thay đổi

`. imtest, white`

```
White's test for Ho: homoskedasticity
against Ha: unrestricted heteroskedasticity

chi2(20) = 19.26
Prob > chi2 = 0.5047
```

Cameron & Trivedi's decomposition of IM-test

Source	chi2	df	p
Heteroskedasticity	19.26	20	0.5047
Skewness	7.38	5	0.1937
Kurtosis	0.04	1	0.8341
Total	26.69	26	0.4257